Chi tiết mã HS 0511.99.20

Mã HS	0511.99.20
Mô tả hàng hóa	Các sản phẩm động vật khác chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác; động vật chết thuộc Chương 1 hoặc Chương 3, không thích hợp sử dụng cho người / - Loại khác: / - - Loại khác: / - - - Trứng tằm
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	08/11/2026 08:09:52
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/05119920/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K969
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N969
Thuế GTGT (VAT)	*/8/10	* / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q969
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E960
ATIGA	2022	2022	0	AT!E961
ATIGA	2023	2023	0	AT!F961
ATIGA	2024	2024	0	AT!G961
ATIGA	2025	2025	0	AT!H961
ATIGA	2026	2026	0	AT!I961
ATIGA	2027	2027	0	AT!J961
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E963
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F963

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G963
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H963
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I963
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J963
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E965
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F965
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G965
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H965
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I965
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J965
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F967
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H962
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F963
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G963
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H963
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I963
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J963
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K963
VKFTA	2022	2022	0	VK!E961
VKFTA	2023	2023	0	VK!F961
VKFTA	2024	2024	0	VK!G961
VKFTA	2025	2025	0	VK!H961
VKFTA	2026	2026	0	VK!I961
VKFTA	2027	2027	0	VK!J961
VCFTA	2022	2022	0	VC!D972
VCFTA	2023	2023	0	VC!E972

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F972
VCFTA	2025	2025	0	VC!G972
VCFTA	2026	2026	0	VC!H972
VCFTA	2027	2027	0	VC!I972
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D969
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E969
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F969
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G969
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H969
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I969
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D978
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E978
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F978
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G978
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H978
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I978
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D962
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E962
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F962
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G962
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H962
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I962
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D964
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E964
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F964
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G964

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H964
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I964
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D962
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E962
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F962
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G962
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H962
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I962
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J962
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D965
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E965
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F965
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G965
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H965
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I965
RCEP B	2022	2022	0	B!D965
RCEP B	2023	2023	0	B!E965
RCEP B	2024	2024	0	B!F965
RCEP B	2025	2025	0	B!G965
RCEP B	2026	2026	0	B!H965
RCEP B	2027	2027	0	B!I965
RCEP C	2022	2022	0	C!D965
RCEP C	2023	2023	0	C!E965
RCEP C	2024	2024	0	C!F965
RCEP C	2025	2025	0	C!G965
RCEP C	2026	2026	0	C!H965

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I965
RCEP D	2022	2022	0	D!D965
RCEP D	2023	2023	0	D!E965
RCEP D	2024	2024	0	D!F965
RCEP D	2025	2025	0	D!G965
RCEP D	2026	2026	0	D!H965
RCEP D	2027	2027	0	D!I965
RCEP E	2022	2022	0	E!D965
RCEP E	2023	2023	0	E!E965
RCEP E	2024	2024	0	E!F965
RCEP E	2025	2025	0	E!G965
RCEP E	2026	2026	0	E!H965
RCEP E	2027	2027	0	E!I965
RCEP F	2022	2022	0	F!D965
RCEP F	2023	2023	0	F!E965
RCEP F	2024	2024	0	F!F965
RCEP F	2025	2025	0	F!G965
RCEP F	2026	2026	0	F!H965
RCEP F	2027	2027	0	F!I965
VIFTA	2024	2024	0	VI!F932
VIFTA	2025	2025	0	VI!G932
VIFTA	2026	2026	0	VI!H932
VIFTA	2027	2027	0	VI!I932

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 0511.99 có 4 dòng thuế; dòng 0511.99.20 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Trứng tằm.	0511.99.10 Tinh dịch động vật nuôi; 0511.99.30 Bọt biển thiên nhiên; 0511.99.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 0511.99.20. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 0511.99.20 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N969), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.